

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI PHP VN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI PHP VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHP VN SERVICES AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110567472

**3. Ngày thành lập:** 11/12/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 10 phố Chính Trung , Thị Trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0825096739

Fax:

Email:

Website: congtyphp.vn@gmail.com

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                           | 4632     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Trừ bán buôn dược phẩm                                                                                                                                                                                                 | 4649     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                       | 4653     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc ngành in                                                                                                                                         | 4659     |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn giấy tấm, giấy sóng, thùng carton, bao bì giấy, bao bì nhựa PVC, PP, PE. Bán buôn các sản phẩm in ấn. Bán buôn máy in, máy fax, máy photocopy và linh kiện. Bán buôn hộp mực, mực in | 4669     |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Loại trừ: thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh                                                | 8230     |
| 7.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                             | 8292     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                         | 8299     |
| 9.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Loại trừ: Tư vấn về thuế, kế toán, pháp luật                                                                                                                                                                                     | 7020     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Thi công lắp đặt bảng hiệu, hộp đèn (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310        |
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410        |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7710        |
| 13. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4690        |
| 14. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1811(Chính) |
| 15. | Dịch vụ liên quan đến in<br>Chi tiết: In trên bao bì (không in lụa, không in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan - không in, tráng bao bì kim loại tại trụ sở). In trên nhựa PE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1812        |
| 16. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1820        |
| 17. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2220        |
| 18. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4789        |
| 19. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm sản giao dịch điện tử và kinh doanh đa cấp, đấu giá bán lẻ qua internet, đấu giá ngoài cửa hàng bán lẻ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4791        |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4932        |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4933        |
| 22. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Loại trừ: Hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7810        |
| 23. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết : Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước<br>Nhóm này gồm: Các hoạt động cung cấp nguồn lao động dài hạn, ổn định, quản lý nguồn lao động trong nước, đại diện cho người lao động trong trường hợp liên quan đến việc thanh toán tiền lương, thuế và các vấn đề về tài chính hoặc nguồn lao động, nhưng họ không có trách nhiệm chỉ đạo và giám sát người lao động.<br><br>Loại trừ:<br>- Cung cấp nguồn lao động với vai trò giám sát hoặc quản lý kinh doanh phân vào nhóm hoạt động kinh tế tương ứng với ngành kinh doanh đó;<br>- Cung cấp chỉ một yếu tố nguồn lao động phân vào nhóm hoạt động kinh tế tương ứng với yếu tố đó | 7830        |
| 24. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8219        |
| 25. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Loại trừ: Trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí, vàng miếng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4773        |

